

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 210 /2023/SGW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

V/v: Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: 028 62918483 Fax: 028 62918489

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: SII

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2023.

Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 được ban hành ngày 28/08/2023 đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2023 tại website: <https://saigonwater.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên;

- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 12/2023/SGW

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023.

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại 028 62918483

Fax: 028 62918489

Mã chứng khoán: SII

1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022	Tăng (+) giảm(-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(1.531.371.385)	(4.947.206.698)	3.415.835.313
Doanh thu hoạt động tài chính	84.973.318.904	39.687.214.194	45.286.104.710
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.878.248.667	49.036.633.608	(27.158.384.941)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.085.937.669)	(45.724.226.329)	26.638.288.660

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ; Doanh thu hoạt động tài chính tăng đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do khoản trích lập dự phòng khoản hỗ trợ vốn cho công ty liên kết dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm lỗ tương đương 26,64 tỷ đồng.

2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế 6 tháng đầu năm năm 2023 lỗ số tiền 19.085.937.669 đồng là do các khoản doanh thu, thu nhập chưa bù đắp được các khoản chi phí trong kỳ và tại Công ty SII sản lượng dự án Củ Chi chưa đạt kết quả như mong muốn bên cạnh đó khoản vay thực hiện Dự án Củ Chi quá lớn dẫn đến chi phí tài chính cao, chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
I	TỔNG THU NHẬP	203.108.582.853
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.867.377.893
2	Doanh thu hoạt động tài chính	84.973.318.904
3	Thu nhập khác	267.886.056
II	TỔNG CHI PHÍ	222.194.520.522
1	Giá vốn hàng bán	119.398.749.278
2	Chi phí tài chính	42.583.096.596
3	Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	28.546.439.547
4	Chi phí bán hàng	8.338.210.632
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.878.248.667
6	Chi phí khác	54.410.471
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	885.365.331
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	510.000.000
III	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (I-II)	(19.085.937.669)

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 207 /2023/SGW

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 2 năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
 - Mã chứng khoán: SII
 - Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
 - Điện thoại liên hệ/Tel: 028 62918483
 - Website: www.saigonwater.com.vn
 2. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2023
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
- Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
- ☐ Có ☐ Không
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023):
- ☐ Có ☐ Không
- Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
- ☐ Có ☐ Không
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
- ☒ Có ☐ Không
- Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
- ☒ Có ☐ Không
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
- ☒ Có ☐ Không
- Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2023 tại đường dẫn: <https://saigonwater.com.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023
- Văn bản giải trình số 20/2023/SGW



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên
Ông Laurence Rentuza	Thành viên
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

10117
CC
1
M TO
CHI
SÀI
VH-1

Số: 1756/2023/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 5 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện rằng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 286.403.522.031 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 19.085.937.669 đồng (6 tháng đầu năm 2022 lỗ 45.724.226.329 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

3-001
TY
H
QUỐC
ÁN
ÒN
ĐỐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.828.459.436	137.058.328.248
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.819.581.541	18.139.561.028
1. Tiền	111		15.269.581.541	9.039.561.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.550.000.000	9.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	10.301.669.003
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	18.000.000.000	10.301.669.003
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.563.240.194	73.007.635.027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.194.444.267	52.862.924.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.591.737.649	291.080.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	132.437.241.289	116.431.248.886
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.769.401.633	11.472.835.013
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(113.429.584.644)	(108.050.454.443)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	12.442.353.411	14.597.349.198
1. Hàng tồn kho	141		12.442.353.411	14.597.349.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.003.284.290	21.012.113.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.114.003.213	997.119.735
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.762.547.843	9.787.877.169
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	10.126.733.234	10.227.117.088



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.019.240.115.638	2.088.206.073.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.648.744.788.915	1.688.116.559.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.646.636.344.503	1.685.831.448.611
- Nguyên giá	222		2.452.827.121.242	2.450.363.086.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(806.190.776.739)	(764.531.638.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.108.444.412	2.285.111.336
- Nguyên giá	228		4.024.600.391	3.967.000.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.916.155.979)	(1.681.889.055)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.437.415.993	2.695.547.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.437.415.993	2.695.547.067
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		343.765.496.974	372.311.936.521
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	200.612.101.974	229.158.541.521
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.182.413.756	24.977.029.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.752.782.094	4.358.423.413
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.14	9.773.184.556	9.582.666.912
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	9.656.447.106	11.035.939.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.189.068.575.074	2.225.264.401.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		923.699.587.479	933.747.562.288
I. Nợ ngắn hạn	310		456.231.981.467	448.240.342.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	41.476.996.407	39.502.005.987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		570.187.251	149.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.602.298.070	2.601.301.440
4. Phải trả người lao động	314		1.244.316.830	1.477.458.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	15.026.597.267	10.433.292.671
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	49.951.202.449	33.361.747.880
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	345.115.297.462	360.382.515.728
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.245.085.731	332.468.576
II. Nợ dài hạn	330		467.467.606.012	485.507.220.026
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	454.217.606.012	472.767.220.026
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	13.250.000.000	12.740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.265.368.987.595	1.291.516.839.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.265.368.987.595	1.291.516.839.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.538.225.108	18.538.225.108
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.708.680.841	49.801.512.120
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.620.182.246	138.775.153.361
- Lỗ sau thuế kỳ này	421b		(20.911.501.405)	(88.973.641.241)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		412.004.726.798	416.059.747.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.189.068.575.074	2.225.264.401.656



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	117.867.377.893	111.570.648.444
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		117.867.377.893	111.570.648.444
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.398.749.278	116.517.855.142
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.531.371.385)	(4.947.206.698)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	84.973.318.904	39.687.214.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.583.096.596	40.730.516.777
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.565.097.596	40.711.595.642
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	(28.546.439.547)	8.572.112.489
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.338.210.632	8.023.554.593
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.878.248.667	49.036.633.608
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(17.904.047.923)	(54.478.584.993)
12. Thu nhập khác	31		267.886.056	3.233.215.799
13. Chi phí khác	32		54.410.471	33.494.196
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		213.475.585	3.199.721.603
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17.690.572.338)	(51.278.863.390)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	885.365.331	1.273.681.624
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	510.000.000	(6.828.318.685)
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(19.085.937.669)	(45.724.226.329)
19. Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(20.911.501.405)	(46.910.191.269)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.825.563.736	1.185.964.940
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(324)	(727)



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(17.690.572.338)	(51.278.863.390)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	45.453.486.883	47.844.108.210
Các khoản dự phòng	03	5.379.130.201	36.615.248.300
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(56.426.879.357)	(48.783.706.009)
Chi phí lãi vay	06	42.565.097.596	40.711.595.642
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.280.262.985	25.108.382.753
Tăng các khoản phải thu	09	(5.939.621.282)	(3.001.943.394)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	10.738.707.693	(356.535.372)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.064.976.444	(2.323.066.100)
Giảm chi phí trả trước	12	488.757.841	1.479.166.376
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.672.324.941)	(37.257.826.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.762.678.427)	(1.071.004.389)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(115.399.178)	(204.397.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.082.681.135	(17.627.224.482)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.505.131.194)	(12.091.871.335)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.965.109.085
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.050.000.000)	(5.182.378.242)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.465.725.441	4.103.947.945
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.113.577.411	26.101.998.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.024.171.658	15.896.806.437

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.856.849.127	32.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(94.673.681.407)	(63.349.617.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.610.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.426.832.280)	(30.849.617.000)
 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(319.979.487)	(32.580.035.045)
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.139.561.028	41.822.459.362
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	17.819.581.541	9.242.424.317



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 259 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 262 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con là sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CIT") đã hoàn tất giao dịch bán 24.687.050 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty CIT nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 7.974.300 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 12,36%. Theo đó, Công ty CIT không còn là công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	30/06/2023		01/01/2023		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	43,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2023 của Hội đồng Quản trị về việc giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục có liên quan để giải thể công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 286.403.522.031 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 19.085.937.669 đồng (6 tháng đầu năm 2022 lỗ 45.724.226.329 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến các vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phần đầu tỷ lệ thất thoát còn 15%, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, phần đầu đạt sản lượng bình quân trên 36.000 m3/ngày trong năm 2023.
- Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia, dự kiến sản lượng vẫn giữ ở mức 28.000 m3/ngày như cuối năm 2022, giá bán dự kiến tăng thêm 350 đồng/m3 từ 5.896 đồng/m3 lên mức 6.246 đồng/m3 trong năm 2023.
- Đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, sản lượng ghi thu bình quân dự kiến tăng từ khoảng 18.100 m3/ngày lên khoảng 19.100 m3/ngày. Giá bán bình quân cũng tăng nhẹ từ khoảng 7.300 đồng/m3 lên gần 8.000 đồng/m3 (do giá dự kiến tăng thêm khoảng 15% từ tháng 10 năm 2023).
- Trong 12 tháng tới, Công ty sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (92,88 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng).
- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty nước BOO Thủ Đức, Sài Gòn An Khê và Sài Gòn Pleiku.
- Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc khoản vay đầu tư Dự án Củ Chi tại Vietinbank. Theo đó, Công ty dự kiến được giãn thời hạn trả nợ gốc đến năm Quý 1 năm 2031, đồng thời chỉ phải thanh toán 70% chi phí lãi vay phát sinh từ Quý 1 năm 2023 đến Quý 4 năm 2027, số lãi vay còn lại sẽ được trả dần từ Quý 1 năm 2028 đến Quý 1 năm 2031. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục sử dụng hạn mức vay vốn lưu động 25 tỷ đồng để trang trải các chi phí hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)**Giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên kết kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên kết, lãi hoặc lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vốn vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch với đơn giá nước áp dụng theo quyết định của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố ban hành cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	2.229.362.404	1.729.603.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.040.219.137	7.309.957.208
Các khoản tương đương tiền	2.550.000.000	9.100.000.000
Cộng	17.819.581.541	18.139.561.028

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	10.301.669.003

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 đến 12 tháng với lãi suất dao động từ 7,5% đến 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Khách hàng không phải là bên liên quan	50.494.444.267	45.162.924.613
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	10.574.616.914	10.576.016.035
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	8.186.642.431	7.910.205.155
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (ii)	5.000.000.000	-
Các khách hàng khác	4.280.461.009	4.223.979.510
Khách hàng là bên liên quan	2.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (ii)	-	5.000.000.000
Ông Lê Văn Nam (i)	2.700.000.000	2.700.000.000
Cộng	53.194.444.267	52.862.924.613

(i) Đây là khoản phải thu chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng số 01/2022/HĐ-SGW ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc chuyển nhượng 540.000 cổ phần, tương ứng 6% của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku.

(ii) Ngày 26 tháng 6 năm 2023 Công ty không còn là công ty con của Công ty CII, do đó Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	122.761.134.593	106.755.142.190
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	9.676.106.696	9.676.106.696
Cộng	132.437.241.289	116.431.248.886

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023;

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	9.309.999.565	2.292.931.782
Phải thu người lao động	8.271.914.725	7.689.196.880
Cổ tức được chia	7.364.052.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	655.093.152	279.452.500
Ký cược, ký quỹ	42.620.000	22.500.000
Tạm chia cổ tức	-	1.100.010.000
Các khoản phải thu khác	125.722.191	88.743.851
Cộng	25.769.401.633	11.472.835.013
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	25.779.401.633	11.477.835.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.223.021.926	1.559.307.210	(34.663.714.716)	36.361.573.990	1.764.534.564	(34.597.039.426)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	132.437.241.289	61.282.462.092	(71.154.779.197)	111.337.241.289	45.494.917.003	(65.842.324.286)
Phải thu khác	7.611.090.731	-	(7.611.090.731)	7.611.090.731	-	(7.611.090.731)
Cộng	176.271.353.946	62.841.769.302	(113.429.584.644)	155.309.906.010	47.259.451.567	(108.050.454.443)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Số dư tại ngày đầu kỳ	(108.050.454.443)	(52.791.284.428)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(5.381.594.666)	(8.448.015.036)
Ghi nhận dự phòng khi thoái vốn công ty con	-	(28.741.593.429)
Hoàn nhập dự phòng	2.464.465	574.360.165
Giảm do thoái vốn công ty con	-	1.773.401.000
Số dư tại ngày cuối kỳ	(113.429.584.644)	(87.633.131.728)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.221.844.436	-	13.271.789.641	-
Công cụ, dụng cụ	1.795.750.329	-	1.316.091.780	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	403.488.646	-	9.467.777	-
Hàng hóa	21.270.000	-	-	-
Cộng	12.442.353.411	-	14.597.349.198	-

8. Chi phí trả trước

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thưởng nhân viên năm 2023	959.167.500	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	250.129.754	391.109.839
Chi phí bảo hiểm	-	20.619.563
Chi phí trả trước khác	904.705.959	585.390.333
Cộng	2.114.003.213	997.119.735
b. Dài hạn		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	150.189.070	830.242.266
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	361.451.774	427.620.405
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.637.095.015	2.118.368.182
Chi phí trả trước dài hạn khác	604.046.235	982.192.560
Cộng	2.752.782.094	4.358.423.413
Tổng cộng chi phí trả trước	4.866.785.307	5.355.543.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	243.068.329.043	159.354.202.754	2.043.024.840.145	4.159.170.970	756.544.000	2.450.363.086.912
Mua trong kỳ	-	-	-	78.280.000	-	78.280.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	115.320.000	114.536.000	15.239.432.810	-	-	15.469.288.810
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.083.534.480)	-	-	(13.083.534.480)
Tại ngày 30/06/2023	243.183.649.043	159.468.738.754	2.045.180.738.475	4.237.450.970	756.544.000	2.452.827.121.242
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	118.543.053.776	120.250.150.706	522.588.865.576	2.393.024.243	756.544.000	764.531.638.301
Khấu hao trong kỳ	5.024.997.732	1.891.001.810	36.582.173.225	341.554.750	-	43.839.727.517
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.180.589.079)	-	-	(2.180.589.079)
Tại ngày 30/06/2023	123.568.051.508	122.141.152.516	556.990.449.722	2.734.578.993	756.544.000	806.190.776.739
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	124.525.275.267	39.104.052.048	1.520.435.974.569	1.766.146.727	-	1.685.831.448.611
Tại ngày 30/06/2023	119.615.597.535	37.327.586.238	1.488.190.288.753	1.502.871.977	-	1.646.636.344.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm là của Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận và đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.771.292.690.597 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 435.143.531.998 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 44.175.992.390 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 45.729.481.199 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.771.292.690.597 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 1.784.376.225.077 đồng).

Ngoài ra, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia với tổng nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 199.980.340.051 đồng và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 199.902.060.051 đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (công ty mẹ trước đây của Công ty) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm
vì tính
VND

Nguyên giá

Tại ngày 01/01/2023

3.967.000.391

Mua trong năm

57.600.000

Tại ngày 30/06/2023**4.024.600.391****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2023

1.681.889.055

Khấu hao trong kỳ

234.266.924

Tại ngày 30/06/2023**1.916.155.979****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2023

2.285.111.336

Tại ngày 30/06/2023**2.108.444.412**

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 154.192.120 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 107.800.000 đồng).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.20, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được dùng làm tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.760.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Sửa chữa đập tràn ngăn nước hồ chứa nước Biển Hồ (i)	2.267.989.828	-
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	2.159.912.165	983.498.397
Dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	-	1.710.048.670
Các dự án khác	9.514.000	2.000.000
Cộng	4.437.415.993	2.695.547.067

(i) Đây là khoản chi phí sửa chữa tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 4 năm 2023 của công ty con này đã ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch đầu tư năm 2023, trong đó bao gồm hạng mục sửa chữa và nâng cấp đập tràn ngăn kênh thông hồ Biển Hồ với giá trị dự toán là 4 tỷ đồng.

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.695.547.067	421.546.507
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong kỳ	14.474.322.424	10.146.695.670
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.267.989.828	-
Chi phí mua sắm tài sản cố định	355.224.734	-
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.247.580.810)	(5.455.175.555)
Nhập kho vật tư thừa	(1.108.087.250)	-
Giảm khác	-	(1.971.414)
Số dư cuối kỳ	4.437.415.993	5.111.095.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	119.659.788.611	80.952.313.363	119.659.788.611	109.498.752.910
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	(44.100.000.000)	44.100.000.000	(44.100.000.000)
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	4.298.086.861	(4.298.086.861)
Cộng	168.057.875.472	32.554.226.502	168.057.875.472	61.100.666.049
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	200.612.101.974		229.158.541.521	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty.

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên có thể khác giá trị ghi sổ.

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tại thời điểm đầu kỳ	229.158.541.521	181.955.135.141
Giá trị ghi nhận trong kỳ	(28.546.439.547)	8.572.112.489
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	43.693.560.453	39.532.112.489
- Cổ tức được chia trong kỳ	(72.240.000.000)	(30.960.000.000)
Tại thời điểm cuối kỳ	200.612.101.974	190.527.247.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	143.153.395.000	

Giá trị hợp lý của công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá gốc khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

13. Thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 01/01/2022

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm

Tại ngày 01/01/2023

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ

Tại ngày 30/06/2023

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
	-	19.568.318.685	19.568.318.685
	20%	20%	20%
	-	(6.828.318.685)	(6.828.318.685)
	-	12.740.000.000	12.740.000.000
	20%	20%	20%
	-	510.000.000	510.000.000
	-	13.250.000.000	13.250.000.000

Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

510.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.773.184.556	-	9.582.666.912	-

15. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	59.994.231.467
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023	
Giá trị hao mòn lũy kế	48.958.291.919
Tại ngày 01/01/2023	1.379.492.442
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	50.337.784.361
Tại ngày 30/06/2023	
Giá trị còn lại	11.035.939.548
Tại ngày 01/01/2023	9.656.447.106
Tại ngày 30/06/2023	

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	16.909.672.897	16.909.672.897	18.966.462.431	18.966.462.431
Manila Water South Asia Holdings Pte., Ltd.	10.481.361.891	10.481.361.891	9.885.711.891	9.885.711.891
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	3.798.405.900	3.798.405.900	759.753.900	759.753.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Hoàng Phúc	977.395.050	977.395.050	1.124.216.050	1.124.216.050
Các nhà cung cấp khác	6.173.529.833	6.173.529.833	5.629.230.879	5.629.230.879
Cộng	41.476.996.407	41.476.996.407	39.502.005.987	39.502.005.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Phải thu

Thuế giá trị gia tăng	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.258.000	100.383.854	-	288.874.146
	9.837.859.088	-	-	9.837.859.088
Cộng	10.227.117.088	100.383.854	-	10.126.733.234

b. Phải nộp

Thuế giá trị gia tăng	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.757.606	555.530.156	554.169.133	74.118.629
Thuế thu nhập cá nhân	1.608.038.355	885.365.331	1.762.678.427	730.725.259
Thuế tài nguyên	264.143.630	509.221.022	676.700.616	96.664.036
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	63.369.984	381.182.200	378.469.499	66.082.685
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	31.028.281	31.028.281	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	541.275.500	541.275.500	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	538.227.805	2.830.513.811	2.796.306.443	572.435.173
	54.764.060	270.885.703	263.377.475	62.272.288
Cộng	2.601.301.440	6.005.002.004	7.004.005.374	1.602.298.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	13.784.172.321	8.941.336.464
Chi phí điện sản xuất	368.303.800	340.015.900
Chi phí nước thô	-	785.309.400
Các khoản chi phí phải trả khác	874.121.146	366.630.907
Cộng	15.026.597.267	10.433.292.671

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	48.381.665.712	32.331.728.914
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty và đơn vị thành viên	1.259.186.771	835.289.000
Kinh phí công đoàn	54.278.000	26.768.000
Bảo hiểm xã hội	7.136.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.800.000	38.800.000
Các khoản khác	184.135.966	129.161.966
Cộng	49.951.202.449	33.361.747.880



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	291.093.110.068	-	-	291.093.110.068	291.093.110.068
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	18.922.956.380	18.922.956.380	49.856.849.127	52.124.064.407	21.190.171.660	21.190.171.660
Vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	-	8.000.000.000	27.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	35.099.231.014	35.099.231.014	-	-	29.099.234.000	29.099.234.000
Cộng	345.115.297.462	345.115.297.462	60.856.849.127	82.124.064.407	360.382.515.728	360.382.515.728
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	488.217.606.012	488.217.606.012	-	12.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.099.231.014	1.099.231.014	-	549.617.000	1.648.848.014	1.648.848.014
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(35.099.231.014)	(35.099.231.014)	-	-	(29.099.234.000)	(29.099.234.000)
Cộng	454.217.606.012	454.217.606.012	-	12.549.617.000	472.767.220.026	472.767.220.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay***

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	12 tháng	22/07/2024	Lãi suất trong kỳ cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	18.922.956.380	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	332.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 9,5% đến 10,2% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.099.231.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	35.099.231.014	29.099.234.000
Trong năm thứ hai	40.000.000.000	36.549.614.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	182.000.000.000	168.500.000.000
Sau năm năm	232.217.606.012	267.717.606.012
Cộng	489.316.837.026	501.866.454.026
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(35.099.231.014)	(29.099.234.000)
Số phải trả sau 12 tháng	454.217.606.012	472.767.220.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	139.565.878.339	411.000.523.668	1.376.221.981.963
(Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(46.910.191.269)	1.185.964.940	(45.724.226.329)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	4.006.355.847	4.006.355.847
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(532.271.871)	(181.997.445)	(714.269.316)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (i)	-	-	-	-	(258.453.107)	(28.717.012)	(287.170.119)
Tại ngày 30/06/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	91.864.962.092	414.682.129.998	1.332.202.672.046
(Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(42.063.449.972)	1.377.617.294	(40.685.832.678)
Tại ngày 31/12/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	49.801.512.120	416.059.747.292	1.291.516.839.368
(Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(20.911.501.405)	1.825.563.736	(19.085.937.669)
Chia cổ tức cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.610.000.000)	(5.610.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(799.821.880)	(228.194.453)	(1.028.016.333)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (i)	-	-	-	-	(381.507.994)	(42.389.777)	(423.897.771)
Tại ngày 30/06/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	27.708.680.841	412.004.726.798	1.265.368.987.595

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát tại các công ty con được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của từng đơn vị cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2022.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	112.576.146.416	107.580.323.339
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	4.847.684.887	3.875.256.808
Doanh thu bán hàng hóa	443.546.590	115.068.297
Cộng	117.867.377.893	111.570.648.444

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	116.250.938.106	113.877.181.237
Giá vốn thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	2.742.449.838	2.562.787.461
Giá vốn bán hàng hóa	405.361.334	77.886.444
Cộng	119.398.749.278	116.517.855.142

Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	6.354.177.872	4.135.251.848
---	---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Cổ tức được chia	83.695.192.000	30.960.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.278.126.904	797.654.959
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	7.596.657.145
Lãi chiết khấu thanh toán	-	332.902.090
Cộng	84.973.318.904	39.687.214.194
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	72.240.000.000	30.960.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	537.553.001	159.204.416
Cộng	72.777.553.001	31.119.204.416

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	42.565.097.596	40.711.595.642
Chi phí tài chính khác	17.999.000	18.921.135
Cộng	42.583.096.596	40.730.516.777
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	834.238.356	-
Ông Nguyễn Văn Thành	34.027.397	-
Công ty CII	-	8.064.579.213
Cộng	868.265.753	8.064.579.213

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên	7.509.078.716	7.201.658.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.800.710	263.800.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	565.331.206	558.095.141
Cộng	8.338.210.632	8.023.554.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên	9.591.258.559	8.298.706.498
Lợi thế thương mại phân bổ	1.379.492.442	3.010.875.324
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	5.379.130.201	32.808.992.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.147.691	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.786.247	607.743.685
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	51.623.010	25.197.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.774.317	1.127.116.820
Các khoản chi phí khác	3.709.036.200	3.158.001.284
Cộng	21.878.248.667	49.036.633.608

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	372.002.664	324.092.642
--	-------------	-------------

(i) Ngày 26 tháng 6 năm 2023 Công ty không còn là công ty con của Công ty CII, do đó Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	6.273.290.588	(23.963.862.926)	4.233.873.801	(55.512.737.191)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.436.560	26.818.007.797	1.845.677.836	60.361.257.399
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(83.695.192.000)	-	(30.960.000.000)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	28.546.439.547	-	(8.572.112.489)
Lợi thế thương mại phân bổ	-	1.379.492.442	-	3.010.875.324
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị trừ khi hợp nhất	-	68.207.175.775	2.366.920.037	45.548.782.407
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	-	(2.550.000.000)	-	-
Loại trừ lãi thoái vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất	-	-	-	(4.896.657.145)
Ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	28.741.593.429
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	-	-	27.488.775.873
Tổng thu nhập chịu thuế	17.436.560	14.930.092.033	(521.242.201)	4.848.520.208
Tổng thu nhập tính thuế	6.290.727.148	2.854.144.871	6.079.551.637	4.848.520.208
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	6.290.727.148	2.854.144.871	6.079.551.637	4.848.520.208
Thuế suất thuế thông thường	-	20%	-	20%
Thuế suất ưu đãi từ ưu đãi tư (i)	10%	-	10%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	629.072.715	570.828.974	607.955.164	969.704.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(314.536.358)	-	(303.977.582)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	314.536.357	570.828.974	303.977.582	969.704.042
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		885.365.331		1.273.681.624

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(20.911.501.405)	(46.910.191.269)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.911.501.405)	(46.910.191.269)
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	64.522.104	64.522.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(324)	(727)

10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.682.972.747	47.321.291.266
Chi phí nhân công	23.207.865.662	22.289.045.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.073.994.441	44.758.789.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.478.719.909	17.909.056.564
Chi phí khác	13.792.163.376	9.896.053.039
Cộng	148.235.716.135	142.174.236.111

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước, tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	112.576.146.416	443.546.590	4.847.684.887	-	117.867.377.893
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	112.576.146.416	443.546.590	4.847.684.887	-	117.867.377.893
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	116.078.222.385	405.361.334	2.915.165.559	-	119.398.749.278
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng chi phí	116.078.222.385	405.361.334	2.915.165.559	-	119.398.749.278
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.502.075.969)	38.185.256	1.932.519.328	-	(1.531.371.385)
Doanh thu hoạt động tài chính					84.973.318.904
Chi phí tài chính					42.583.096.596
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					(28.546.439.547)
Chi phí bán hàng					8.338.210.632
Chi phí quản lý doanh nghiệp					21.878.248.667
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(17.904.047.923)
Thu nhập khác					267.886.056
Chi phí khác					54.410.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					885.365.331
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					510.000.000
Tổng lỗ sau thuế					(19.085.937.669)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	107.580.323.339	115.068.297	3.875.256.808	-	111.570.648.444
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.009.640.682	-	-	(2.009.640.682)	-
Tổng doanh thu	109.589.964.021	115.068.297	3.875.256.808	(2.009.640.682)	111.570.648.444
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	113.877.181.237	77.886.444	2.562.787.461	-	116.517.855.142
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	2.090.571.546	-	-	(2.090.571.546)	-
Tổng chi phí	115.967.752.783	77.886.444	2.562.787.461	(2.090.571.546)	116.517.855.142
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.377.788.762)	37.181.853	1.312.469.347	80.930.864	(4.947.206.698)
Doanh thu hoạt động tài chính					39.687.214.194
Chi phí tài chính					40.730.516.777
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					8.572.112.489
Chi phí bán hàng					8.023.554.593
Chi phí quản lý doanh nghiệp					49.036.633.608
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(54.478.584.993)
Thu nhập khác					3.233.215.799
Chi phí khác					33.494.196
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.273.681.624
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.828.318.685)
Tổng lợi nhuận sau thuế					(45.724.226.329)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Gia Lai VND	Tỉnh Lâm Đồng VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán					
<i>Tại ngày 30/06/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	124.286.727.277	29.813.692.237	24.853.039.922	(9.125.000.000)	169.828.459.436
Tài sản dài hạn	1.683.252.496.416	164.159.243.860	88.326.061.999	83.502.313.363	2.019.240.115.638
Nợ phải trả	918.175.085.809	5.228.772.272	5.827.176.504	(5.531.447.106)	923.699.587.479
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	86.040.471.441	37.164.237.857	23.638.547.645	(9.784.928.695)	137.058.328.248
Tài sản dài hạn	1.717.859.630.214	286.521.134.688	93.368.131.986	(9.542.823.480)	2.088.206.073.408
Nợ phải trả	930.668.610.327	136.455.988.661	2.648.420.925	(136.025.457.625)	933.747.562.288
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>					
Doanh thu thuần	58.280.119.060	29.704.703.537	29.882.555.296	-	117.867.377.893
Giá vốn	74.771.517.433	23.267.178.459	21.360.053.386	-	119.398.749.278
Lợi nhuận gộp	(16.491.398.373)	6.437.525.078	8.522.501.910	-	(1.531.371.385)
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>					
Doanh thu thuần	54.934.119.624	29.680.743.967	28.965.425.535	(2.009.640.682)	111.570.648.444
Giá vốn	73.175.687.958	24.477.310.099	20.874.497.767	(2.009.640.682)	116.517.855.142
Lợi nhuận gộp	(18.241.568.334)	5.203.433.868	8.090.927.768	-	(4.947.206.698)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
 Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku
 Ông Nguyễn Văn Thành
 Ông Lê Văn Nam

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Tổng Giám đốc Công ty
 Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)		
Trả tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	834.238.356	-
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	72.240.000.000	30.960.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	22.300.000.000	-
Thu hồi nợ gốc vay	14.964.056.438	-
Cho vay	9.750.000.000	-
Thanh toán tiền mua nước sạch	8.090.798.442	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	1.200.000.000	-
Thu lãi cho vay	427.078.103	-
Lãi cho vay nhập gốc	120.048.841	-
Ông Nguyễn Văn Thành		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	34.027.397	-

(i) Ngày 26 tháng 6 năm 2023 Công ty không còn là công ty con của Công ty CII, do đó Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày này.

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	726.918.256	646.677.500
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	330.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	482.805.700	485.517.500
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	467.553.525	443.017.500
Cộng		2.007.277.481	1.905.212.500

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	485.000.000	725.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	180.000.000	360.000.000
Cộng	665.000.000	1.085.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 50.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 1 năm tính từ năm 2021 và phụ lục gia hạn đến ngày 31 tháng 10 năm 2023.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.

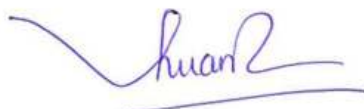
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

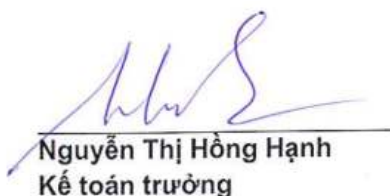
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán và soát xét.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023